

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Số: 184 /NBTPC-CBTT
V/v: Báo cáo thường niên năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Ninh Bình, ngày 02 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG
KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
2. Mã chứng khoán : NBP
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 1A- Đường Hoàng Diệu – Phường Thanh Bình - TP Ninh Bình – tỉnh Ninh Bình.
4. Điện thoại : 0229 2210 537 Fax : 0229 3873 762
5. Loại thông tin công bố : Định kỳ
6. Người thực hiện công bố thông tin : Lương Thị Thúy - Người được Ủy quyền Công bố thông tin.
7. Nội dung của thông tin công bố: Thực hiện Thông tư 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;
7.1 Công bố toàn văn báo cáo thường niên năm 2023 số 183/NBTPC- HCLĐ của Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình.
9. Địa chỉ Web Đăng tải toàn văn báo cáo : <http://www.nbtpc.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD; BKS
- Lưu TCKT, VT Công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**



Lương Thị Thúy

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Năm báo cáo 2023**

I) Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (NBTPC).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0903000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007. Ngày 25 tháng 10 năm 2011 Công ty thực hiện đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20/04/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận số: 2700283389.
- Vốn điều lệ: 128,655 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 249.603,82 triệu đồng
- Địa chỉ: 01A - Đường Hoàng Diệu - Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 0229.2210.537 ; Số fax: 0229.3873.762
- Website: <http://www.nbtpc.com.vn> ; Mã cổ phiếu: NBP

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

- + Ngày 17/1/1974 Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình theo quyết định số 119 ĐT/ NCQ/LKL của Bộ Điện và Than (nay là Bộ Công thương). Là đơn vị hạch toán phụ thuộc, thuộc Công ty Điện lực Miền Bắc.
- + Ngày 4/3/1995 Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương) có quyết định số 113 NL/TCCB-LĐ v/v chuyển Nhà máy nhiệt điện Ninh Bình là đơn vị hạch toán phụ thuộc, thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
- + Ngày 30/3/2005 Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) có quyết định số 13/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Nhiệt điện Ninh Bình hạch toán độc lập.
- + Ngày 29/12/2006 Bộ Công nghiệp có quyết định số 3945/QĐ-BCN về việc Phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
- + Ngày 11/12/2007 Đại hội đồng cổ đông lần đầu Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
- + Ngày 01/01/2008 Công ty Nhiệt điện Ninh Bình chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0903000161 do sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp ngày 31/12/2007. Đăng ký thay đổi lần đầu ngày 25/10/2011, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 05/01/2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2700283389. Tổng công ty phát điện 3 chiếm cổ phần chi phối 54,76%
- + Ngày 22/7/2009 Sở GDCK Hà Nội đã ban hành Quyết định số 422/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận cho CTCP Nhiệt điện Ninh Bình được niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK Hà Nội.

+ Ngày 06/8/2009 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được chính thức giao dịch trên Sở GDCK Hà Nội.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

-Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi lần thứ hai ngày 05/01/2016:

1	- Sản xuất điện	Mã ngành
2	- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu: <i>Chi tiết: Sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng</i>	35101 (chính)
3	- Sửa chữa thiết bị điện: <i>Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện</i>	3314
4	- Lắp đặt hệ thống điện: <i>Chi tiết: Đường dây và trạm biến áp</i>	4321
5	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659
6	- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) <i>Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện</i>	6499
7	- Dạy nghề: <i>Chi tiết: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện</i>	85322
8	- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác <i>Chi tiết: Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình</i>	71109

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn hoạt động kinh doanh chính tại Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh bình.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị theo điểm a khoản 1 điều 137 Luật doanh nghiệp 2020. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý: Có 11 đơn vị trực thuộc gồm 05 phòng nghiệp vụ và 6 phân xưởng. Hội đồng quản trị 05 người trong đó 04 người không điều hành trực tiếp. Ban kiểm soát 03 người. Ban điều hành 03 người.

(xem Phụ lục I “Sơ đồ Quản trị và Tổ chức của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình”).

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Đảm bảo sản xuất an toàn liên tục và kinh tế, cung cấp điện ổn định cho phát triển kinh tế, xã hội. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 400 triệu kWh trở lên, doanh thu từ sản xuất điện đạt từ 600 tỷ đồng trở lên; Đảm bảo tỷ lệ trả cổ tức đạt từ 3% trở lên, ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

- Cùng cố thiết bị để vận hành ổn định, giảm giá thành sản xuất nâng cao năng suất lao động, đảm bảo có lãi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Giữ vững sản xuất an toàn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; Tham gia đầu tư góp vốn xây dựng các nhà máy điện theo định hướng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty phát điện 3; Tìm các cơ hội đầu tư, nghiên cứu phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh trong các lĩnh vực khác.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Giữ vững hoạt động sản xuất điện năng đi đôi với mục tiêu bảo vệ môi trường chung của địa phương.

6. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của của Công ty:

Công ty tiếp tục gặp khó khăn như: giá cả vật tư, nhiên liệu luôn biến động ở mức cao. Thiết bị chính: hiệu suất lò, hiệu suất máy thấp dẫn đến chi phí giá thành cao.

Theo văn bản số 1209/ĐTĐL-TTĐL ngày 25/12/2014 của Cục điều tiết điện lực và văn bản số 370/EVN-TCKT-TTD ngày 29/01/2015 của Tập đoàn điện lực Việt Nam, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình không tham gia thị trường điện và sản xuất phụ thuộc hoàn toàn vào cơ chế huy động của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia (A0), năm 2022 tiếp tục thực hiện “Cơ chế dịch vụ phụ trợ”.

Giá nhiên liệu chính (than) giá than trong nước và nhập khẩu luôn tăng ở mức cao làm cho giá thành sản xuất điện năng tăng dẫn đến lợi nhuận bị ảnh hưởng.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

STT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh % (TH/KH)
1	Sản lượng điện phát	Tr.kwh	360	404,89	112,47
	SL điện thương phẩm	Tr.kwh	324	365,58	112,83
3	Tổng CP SXKD	Tr. đồng	844.080,13	931.541,43	110,36
4	Tổng doanh thu SXKD	Tr. đồng	853.694,24	942.713,61	110,43
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	9.614,10	11.172,18	116,21
6	Thuế TNDN	Tr. đồng	1.922,82	2.532,95	131,73
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	7.691,28	8.639,23	112,32
8	Kế hoạch cố tức 2023 là 5 %/ VDL. Và ước TH 5 % / VDL	Tr. đồng	6.432,75	6.432,75	100,00

KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRONG SXKD NĂM 2023

Tình hình thực hiện so với kế hoạch và so với năm trước liền kề:

T T	DIỄN GIẢI	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện 2023	So sánh (TH202 3/TH20 22) %	So sánh (TH/KH)%
1	Sản lượng điện phát	Tr.kwh	409,08	360	404,89	98,98	112,47
2	SL điện thương phẩm	Tr.kwh	369,02	324	365,58	99,07	112,83
3	Tổng CP SXKD.	Tr.đồng	902.284,37	844.080,13	931.541,43	103,24	110,36
4	Tổng doanh thu SXKD.	Tr. đồng	932.670,91	853.694,24	942.713,61	101,08	110,43
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	30.386,57	9.614,10	11.172,18	36,77	116,21
6	Thuế TNDN	Tr. đồng	6.123,06	1.922,82	2.532,95	41,37	131,73
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	24.263,51	7.691,28	8.639,23	35,61	112,32
8	Cổ tức(KH 20223 là 5 % trên VDL	Tr. đồng	16.725,15	6.432,75	6.432,75	38,46	100,00

* Ghi chú: cổ tức của năm 2023 dự kiến chi trả 5% VDL

2. Phân tích kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

+ Về tình hình Doanh thu: Tổng doanh thu năm 2023 đạt 942.713,61 triệu đồng, tăng 10.042,70 triệu đồng so với năm 2022 chủ yếu do các nguyên nhân sau :

+ Giá cố định Năm 2022 doanh thu cố định : 179.644,86 triệu đồng, năm 2023 doanh thu cố định : 155.299,04 triệu đồng nên doanh thu cố định năm 2023 giảm 24.345,81 triệu đồng là do giá cố định năm 2023 Công ty ký được Hợp đồng bổ sung sửa đổi số 05 ký ngày 06/6/2023 giữa Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình và Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo đơn giá cố định là:143.914,14 đồng/kw/tháng. Năm 2022 Công ty ký theo đơn giá cố định là:165.928,08 đồng/kw/tháng.Giảm 22.013,94 đồng/kw/tháng so với cùng kỳ năm 2022.

+ Công ty là đơn vị phát dịch vụ phụ trợ nên thanh toán giá nhiên liệu theo thực tế nhập do vậy giá than năm 2023 cao và giá cước vận chuyển cao nên Công ty được thanh toán giá biến đổi cao hơn: 36.253,09 triệu đồng. Năm 2022, doanh thu biến đổi: 732.077,10 triệu đồng năm 2023 là: 768.330,19 triệu đồng.

+ Doanh thu khởi động giảm 2.293,32 triệu đồng là Công ty tỷ lệ dùng máy ít hơn so với năm 2022. Năm 2022 doanh thu khởi động: 7.332,68 triệu đồng năm 2023 là: 5.039,36 triệu đồng

+ Doanh thu khác cao hơn 1.283,09 triệu đồng là do công ty bán giá tro xỉ sản lượng cao hơn và giá bán cao hơn so với năm 2022.

Bên cạnh đó còn một số doanh thu tài chính lãi tiền gửi và lợi nhuận cổ tức, thanh lý tài sản giảm hơn so với năm 2022.

+ Về chi phí: Tổng chi phí năm 2023 là 931.541,43 triệu đồng, tăng hơn năm 2022 29.257,09 triệu đồng. Chủ yếu là do giá nhiên liệu cao và chi phí giá cước cao hơn năm 2022.

Về lợi nhuận trước thuế giảm: 19.214,38 triệu đồng do nguyên nhân sau:

- Do giá cố định năm 2023, Công ty ký được Hợp đồng bổ sung sửa đổi số 05 ký ngày 06/6/2023 giữa Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình và Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo đơn giá cố định là: 143.914,14 đồng/kw/tháng. Năm 2022 Công ty ký theo đơn giá cố định là: 165.928,08 đồng/kw/tháng. Giảm 22.013,94 đồng/kw/tháng so với cùng kỳ năm 2022. Giảm so với năm 2022 là: 24.345,81 triệu đồng.

+ Tình hình phân phối lợi nhuận: Năm 2023, trên báo cáo tài chính của Công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận. Hiện nay đang chờ thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

+ Tình hình chia cổ tức: Tỷ lệ chia cổ tức năm 2023 sẽ được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.

3. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TÓM TẮT LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

1	Ông Trịnh Văn Đoàn	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	Chức vụ hiện tại	Tổng Giám đốc
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	12/10/1963
❖	Nơi sinh	xã Thiệu giang, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Thanh Bình - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0912910047
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nhiệt điện
❖	Quá trình công tác:	
	12/1986 - 12/2000	Công nhân vận hành Lò, Phân xưởng Lò, Nhà máy điện Ninh Bình
	12/2000 - 12/2007	Kỹ thuật viên PX Lò, Nhà máy điện Ninh Bình
	01/2008 - 12/2011	Phó quản đốc phân xưởng vận hành Lò- Máy, Công

		ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	1/2012 – 5/2012	Phó quản đốc phụ trách phân xưởng vận hành Lò-Máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	6/2012-12/2014	Quản đốc phân xưởng vận hành Lò- Máy
	12/2014 – ngày 31/12/2015	Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	01/01/2016 đến nay	Tổng giám đốc ông ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	2.000 CP
❖	Số cổ phần đại diện phân vốn nhà nước	2.124.632 CP
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
2	Ông Đường Xuân Hồng	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	11/12/1966
❖	Nơi sinh	Đức Ân – Đức Thọ - Hà Tĩnh
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Thanh bình - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0912203693
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hệ thống điện
❖	Quá trình công tác:	
	1/1991 - 01/1997	Kỹ thuật viên vận hành điện, NMD Ninh Bình
	02/1997 - 10/2005	Kỹ thuật viên sửa chữa điện, NMD Ninh Bình
	11/2005 - 4/2014	Phó Quản đốc Phân xưởng điện – kiểm nhiệt, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	5/2014-9/2014	Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng điện – kiểm nhiệt, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	10/2014- 10/2016	Quản đốc Phân xưởng điện – kiểm nhiệt, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	10/2016 – nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	500 CP
❖	Số cổ phần đại diện phân vốn nhà nước	Không
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

3	Ông Vũ Quốc Trung	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	3'1/8/1973
❖	Nơi sinh	Khánh thiện, Yên Khánh, Ninh Bình
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Thanh bình - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0915430317
❖	Trình độ văn hoá	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Hệ thống điện, Thạc sĩ quản lý kinh tế
❖	Quá trình công tác:	
	1/1994 - 05/2000	Trung tâm dịch vụ NMD Ninh Bình
	06/2000 - 2/2003	CN phân xưởng Lò NMD Ninh Bình
	2/2003 - 10/2004	CN Px Điện NMD Ninh Bình
	10/2004-7/2014	Trưởng ca vận hành nhà máy điện Ninh Bình
	7/2014- 10/2016	CV phòng kỹ thuật, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	19/10/2016-8/2017	Phó phòng kỹ thuật , Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh bình
	01/8/2017-2/2018	Phó quản đốc phụ trách PX Điện Kiểm nhiệt- Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình
	01/2/2018 - -31/12/2020	Quản đốc phân xưởng điện Kiểm nhiệt , công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình
	01/01/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	300 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Không
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
4	Ông Đỗ Việt Hòa	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	10/11/1970
❖	Nơi sinh	Tịnh Phong, Tịnh Sơn, Quảng Ngãi
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Tân thành - TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0918942376
❖	Trình độ văn hoá	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Tự động hóa - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

❖	Quá trình công tác:	
	9/1990 - 02/1999	Công nhân PX Lò hơi - Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình (nay Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình)
	03/1999 - 02/2003	Công nhân PX kiểm nhiệt - Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình (nay Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình)
	2/2003 - 6/2014	Kỹ thuật viên- Phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
	6/2014 -10/2016	Phó phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	10/2016 - 11/5/2017:	Phó Quản đốc phụ trách PX Điện - Kiểm nhiệt, Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình
	12/5/2017 - 7/2017:	Quản đốc PX Đ-KN, Công ty CPNĐ Ninh Bình
	8/2017 đến nay:	Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty CPNĐ Ninh Bình
	07/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc kiêm trưởng phòng kỹ thuật – Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh bình.
5	Bà Lương Thị Thúy	Kế Toán trưởng -Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	Chức vụ hiện tại	Kế toán trưởng
❖	Giới tính	Nữ
❖	Ngày tháng năm sinh	13/09/1970
❖	Nơi sinh	Tân mỹ, Yên dũng, Bắc giang
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Thanh Bình- TP.Ninh Bình - Ninh Bình
❖	Điện thoại	0229 2210527
❖	Trình độ văn hoá	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
❖	Quá trình công tác:	
	7/1991- 6/1998	Thủ kho phân xưởng gạch xộp Nhà máy điện Ninh Bình
	7/1998 - 8//2011	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình
	9/2011- 9/2013	Kế toán tổng hợp phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
	10/2013 – 05/2016	Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình
	06/2016 – 05/2018	Trưởng ban kiểm soát, Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình
	06/2018 – nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh

		Bình
❖	Số cổ phần cá nhân nắm giữ	3.200 CP
❖	Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước	Không
❖	Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 là 368 người, trong đó:

- Lao động trực tiếp: 274 người

- Lao động gián tiếp + phục vụ: 94 người

* Phân theo trình độ: Trên Đại học: 5 người, Đại học 137 người, Cao đẳng 35 người, trung cấp 33 người, công nhân kỹ thuật 151 người, lao động khác 7 người

Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

+ Chính sách đào tạo.

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật để bổ sung vào các vị trí công việc của những lao động đến tuổi nghỉ chế độ. Tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại Công ty và cử cán bộ, công nhân kỹ thuật tham dự các khoá đào tạo chuyên đề nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và nắm bắt những tiến bộ về công nghệ để áp dụng vào sản xuất tại Công ty.

+ Chính sách tiền lương.

Công ty áp dụng quy chế trả lương, chế độ an toàn điện cho người lao động, đảm bảo dân chủ, công bằng. Công ty thực hiện việc trả lương cho người lao động theo hai hình thức:

- Lương thời gian áp dụng cho người lao động khối nghiệp vụ và lao động thuộc dây chuyền sản xuất khép kín, trên cơ sở chức danh nghề nghiệp đảm nhận;

- Lương khoán áp dụng cho người lao động thực hiện các khối lượng công việc trong sửa chữa, đại tu, gia công cơ khí ...

+ Các chính sách khác:

- Duy trì và thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp thất nghiệp cho người lao động theo Luật bảo hiểm xã hội, 100% lao động được tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

- Các quỹ khen thưởng và phúc lợi thực hiện theo quy chế quản lý tài chính của Công ty (được báo cáo hàng năm trước Đại hội cổ đông của Công ty).

- Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần, duy trì chế độ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, tổ chức khám sức khỏe định kỳ; khám, phát hiện, điều trị bệnh nghề nghiệp, tổ chức các đợt điều dưỡng và tham quan du lịch. Người lao động được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và quy định của Bộ luật Lao động ...

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án: Không

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	So sánh %
Tổng giá trị tài sản	468.449,28	444.652,97	94,92
Doanh thu thuần	931.889,14	942.380,79	101,13
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.121,10	11.156,35	37,04
Lợi nhuận khác	265,47	15,83	5,96
Lợi nhuận trước thuế	30.386,57	11.172,18	36,77
Lợi nhuận sau thuế	24.263,51	8.639,23	35,61
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	16.725,15	Dự kiến 5%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/nợ NH)	1,65	1,93	
- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn	1,27	1,60	
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn (lần)			
- Hệ số nợ phải trả / tổng tài sản	0,44	0,43	
- Hệ số nợ phải trả / vốn CSH	0,78	0,77	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)			
- Vòng quay hàng tồn kho	12,82	14,88	
* Giá vốn bán hàng / hàng tồn kho bình quân	12,82	14,88	
- Doanh thu thuần / tổng TS	2,12	1,99	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (lần)			
- Hệ số LNST / Doanh thu thuần	0,01	0,03	
- Hệ số LNST / vốn CSH	0,03	0,09	
- Hệ số LNST / tổng TS	0,02	0,05	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 12.865.500 cổ phần.
- Cổ phần đang lưu hành: 12.865.500 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Vốn điều lệ và tỷ lệ cổ phần của các cổ đông (đến 31/12/2023)
- Vốn điều lệ của Công ty: 128.655,0 triệu đồng = 12.865.500CP

Tên cổ đông	Cơ cấu vốn điều lệ (Tr. đ)	Số vốn đã góp đến cuối kỳ báo cáo (Tr. đ)	Tỷ lệ cam kết góp vốn
1. Tổng công ty phát điện 3	70.454,40	70.454,40	54,76%
2. Công ty TNHH Năng lượng REE (REE Enregy)	37.894,00	37.894,00	29,45%
3. Các thể nhân khác	20.306,60	20.306,60	15,79 %
Tổng Cộng:	128.655,00	128.655,00	100,00%

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2023, mặc dù Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo linh hoạt của HĐQT, ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã khắc phục khó khăn, bám sát mục tiêu điều chỉnh kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đề ra: Duy trì và giữ ổn định sản xuất đi đôi với mục tiêu bảo vệ môi trường, hoàn thiện các Quy chế, Quy định để nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo toàn vốn, lợi nhuận cao hơn so với Đại hội cổ đông đã biểu quyết.

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản.

Trong năm 2023, Công ty luôn theo dõi vốn và tài sản hiện có, không có nợ phải thu xấu và tài sản xấu làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả.

Công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ phải trả đúng hạn, không có khoản trả nợ nào quá hạn.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý của mô hình công ty cổ phần, đặc biệt tập trung vào các quy chế mang lại lợi ích lớn cho người lao động. Tích cực phát động thi đua với các phong trào thi đua ca, kíp vận hành kinh tế, thi đua sửa chữa, thi đua tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu... Các quy chế này đã giúp người lao động thêm yên tâm tư tưởng và gắn bó với Công ty.

Rà soát, lập lại định biên của các đơn vị trong Công ty, tổ chức và sắp xếp hợp lý lao động trong từng bộ phận đã tạo điều kiện cho công tác SXKD của công ty đạt hiệu quả hơn. Đề xuất tuyển dụng một số vị trí trong sản xuất, ưu tiên lực lượng vận hành.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Chuẩn bị thiết bị sẵn sàng đáp ứng phương thức khi Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia (A0) huy động, đáp ứng hệ số khả dụng của các thiết bị. Sửa chữa thiết bị phù hợp theo từng thời kỳ, chủ động khắc phục các khiếm khuyết của thiết bị, không để xảy ra sự cố chủ quan, mất an toàn.

- Công tác tổ chức: Từ tình hình thực tế về nhân lực và những đòi hỏi trong thời gian tới, tiếp tục rà soát sắp xếp nhân lực, bố trí lao động phù hợp, dồn ghép các chức danh, định biên lại nhân lực trên tinh thần giảm dần về số lượng biên chế, tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả lao động của cán bộ, chuyên viên và người lao động trong công ty.

- Tiếp tục tập trung thực hiện các biện pháp để tăng cường, nâng cao công tác. Quản lý kỹ thuật, Quản lý tài chính, Quản lý vật tư và Quản lý lao động nhằm đảm bảo ổn định và nâng cao hiệu quả SXKD. Thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ.

- Thi đua lao động sản xuất gắn liền với công tác bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển sản xuất bền vững.

4. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:* Không có.

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty.**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty*

Năm 2023, Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tiếp tục thực hiện “Cơ chế dịch vụ phụ trợ”, sản xuất phụ thuộc vào cơ chế huy động của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia (A0). Trong những tháng đầu năm không thể vận hành, do hệ thống thừa nguồn. Trong các tháng mùa khô lại vận hành liên tục trong điều kiện nhân lực thiết so với biên chế. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành tập trung đề ra những biện pháp và những giải pháp kịp thời, tranh thủ những thời cơ thuận lợi để tập trung cho sản xuất. Ban TGD đã tích cực làm việc, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền để sản xuất với sản lượng cao nhất, hiệu quả nhất. Tập trung lãnh đạo và nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo sát sao tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của HĐQT. Với mục tiêu phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn, có hiệu quả, phấn đấu tăng doanh thu, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí để tăng lợi nhuận. HĐQT công ty đã tập trung lãnh đạo và nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo sát sao Ban điều hành Công ty trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của HĐQT.

Kết thúc năm 2023, Công ty đã hoàn thành một số chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông đề ra như: Sản lượng điện thương phẩm 365,58 triệu kWh, đạt 101,55% KH; doanh thu đạt 942.713,61 triệu đồng đạt 110,43 % so với kế hoạch. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 11.172,18 triệu đồng đạt 116,21 % so với kế hoạch.

2. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT đề ra một cách nghiêm túc, thực hiện những biện pháp và những giải pháp kịp thời, tranh thủ những thời cơ thuận lợi để tập trung cho sản xuất nhằm đảm bảo sản xuất an toàn, lâu dài, hiệu quả. Ban Tổng Giám Đốc cùng với tập thể người lao động đã nỗ lực phấn đấu, thi đua lao động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo sản xuất an toàn, hiệu quả, phấn đấu tăng doanh thu, giảm chi phí để tăng lợi nhuận. Đảm bảo quyền lợi, lợi ích hài hòa cho tập thể người lao động và các cổ đông.

3. **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2024, Công ty tiếp tục thực hiện theo cơ chế sản xuất Dịch vụ phụ trợ (như 2023), dự báo sản lượng sẽ cao hơn vì yêu cầu của Hệ thống điện quốc gia. Về thiết bị vẫn tiềm ẩn những phát sinh dễ xảy ra sự cố. Giá cả vật tư, nguyên liệu vẫn cao làm tăng chi phí đầu vào. Năng lực cạnh tranh tại thị trường điện của công ty thấp do công nghệ thiết bị cũ, suất hao nhiệt cho 1 kWh điện cao hơn so với các nhà máy khác v.v... việc tính toán suất tiêu hao than tính theo tiêu hao nhiệt (kcal/kwh) bắt buộc Hội đồng quản trị/ban điều hành phải có những giải pháp để thực hiện tốt công tác quản trị, đặc biệt là quản trị nguồn nguyên liệu đầu vào (than), phải có chiến lược, lựa chọn đối tác, đàm phán, thực hiện nhập than với nhiệt trị phù hợp và tính toán cụ thể mức tiêu hao nhiệt cho từng loại than ... những vấn đề này ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch doanh thu và kế hoạch lợi nhuận. Công ty tập trung vào các nội dung sau :

- Chuẩn bị thiết bị sẵn sàng, dự trữ nhiên liệu than phù hợp đáp ứng phương thức khi A0 huy động, đáp ứng hệ số khả dụng của các thiết bị. Sửa chữa thiết bị phù hợp theo từng thời kỳ, chủ động khắc phục các khiếm khuyết của thiết bị, không để xảy ra sự cố chủ quan, mất an toàn.

- Công tác tổ chức: Từ tình hình thực tế về nhân lực và những đòi hỏi trong thời gian tới, tiếp tục rà soát sắp xếp nhân lực, bố trí lao động phù hợp, tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả lao động của cán bộ, chuyên viên và người lao động trong công ty.

- Tiếp tục tập trung thực hiện các biện pháp để tăng cường, nâng cao công tác Quản lý kỹ thuật, quản lý tài chính, quản lý vật tư và quản lý lao động, tối ưu hóa chi phí, nhằm đảm bảo ổn định và nâng cao hiệu quả SXKD. Thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, kế hoạch thực hiện Văn hóa doanh nghiệp, quan hệ cộng đồng.

- Thi đua lao động sản xuất gắn liền với công tác bảo vệ môi trường, thực hiện tốt quy định theo tiêu chuẩn môi trường, bảo đảm phát triển sản xuất bền vững.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị.

a) **Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.** Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 người (01 chủ tịch và 04 thành viên).

1. Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương- chủ tịch HĐQT không chuyên trách
3. Ông Trịnh Văn Đoàn - Thành viên; Tổng giám đốc
4. Ông Lê Đức Chấn - Thành viên : Không điều hành
5. Ông Nguyễn Phong Danh- Thành viên: Không điều hành
6. Ông Mai Đình Nhật - Thành viên: Không điều hành

Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do công ty phát hành: Không có.

b) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:** Thành lập ban kiểm toán nội bộ theo Nghị định 05 của Chính phủ từ ngày 25/6/2021.

c) **Hoạt động của Hội đồng quản trị.** Trong năm 2023, Hội đồng quản trị công ty đã họp 04 kỳ chính thức để thống nhất chuẩn bị các nội dung trình đại hội đồng cổ năm 2023 giải quyết những nội dung công việc liên quan đến nhiệm vụ SXKD và công tác quản lý chung của Công ty với số lượng và các thành phần tham gia cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự năm 2023	Tỷ lệ %/ năm	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	CTHĐQT	4	100%	
2	Ông Trịnh Văn Đoàn	TV	4	100%	
3	Ông Lê Đức Chấn	TV	4	100%	
4	Ông Nguyễn Phong Danh	TV	4	100%	
5	Ông Mai Đình Nhật	TV	4	100%	

* Để chỉ đạo và điều hành SXKD của Công ty được liên tục hiệu quả, ngoài 04 phiên họp chính thức trong năm 2023 Hội đồng quản trị đã thực hiện 48 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và ra các quyết định các vấn đề triển khai kế hoạch năm 2023. Tất cả các Quyết định này đều đã bám sát và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, do đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành triển khai các công việc có liên quan.

d) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Ngày 25/6/2021, Hội đồng quản trị quyết định thành lập ban kiểm toán nội bộ theo nghị định 05 của Chính phủ. Trong năm 2023 ban kiểm toán nội bộ hoạt động đã giúp cho HĐQT tăng cường về công

tác kiểm tra giám sát. Mặt khác định kỳ, thường xuyên HĐQT nghe báo cáo từ các phòng nghiệp vụ của Ban điều hành về những vấn đề cần thiết của cơ chế quản lý để tìm cách giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh

đ) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty trong năm:** không.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: gồm 3 người (01 trưởng ban và 02 thành viên).

1. Bà Phạm Thị Thanh Bình - Trưởng ban KS chuyên trách
2. Bà Vũ Thị Thanh Hải - Thành viên
3. Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt - Thành viên

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, BKS thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban.

Trong năm 2023, BKS công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành thông qua việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT. Trưởng ban kiểm soát thường xuyên trao đổi, làm việc với Chủ tịch HĐQT, ban TGD. Trong năm 2023, BKS đã tiến hành 03 cuộc họp để kiểm soát việc chấp hành pháp luật, điều lệ công ty và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT. Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; Phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty cũng như Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã hợp tác để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình như cung cấp thông tin, tài liệu, cử các cán bộ quản lý phối hợp làm việc với Ban Kiểm soát khi có yêu cầu.

Trưởng ban kiểm soát với trách nhiệm của người làm việc chuyên trách Trưởng ban luôn đi sát, theo dõi các hoạt động diễn ra hàng ngày thông qua việc trao đổi trực tiếp các tài liệu các báo cáo của HĐQT, của Ban Tổng giám đốc Công ty gửi đến Ban kiểm soát; tham dự các buổi họp của HĐQT của Công ty để nắm bắt các hoạt động đang diễn ra tại Công ty.

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát luôn tuân thủ pháp luật, đảm bảo tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời.

3) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Năm 2023, công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao trên các mặt: Sản lượng điện sản xuất, doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động. Số tiền quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, ban TGD, BKS cho các thành viên theo các mức như sau:

+ Thù lao không chuyên trách của chủ tịch HĐQT	89,968 triệu đồng/năm
+ Lương của Tổng Giám đốc	487,963 triệu đồng/năm
+ Lương của 3 Phó Tổng giám đốc	1.294,229 triệu đồng/năm
+ Lương của Kế toán trưởng	396,173 triệu đồng/năm
+ Thù lao của 3 thành viên HĐQT	229,920 triệu đồng/năm
+ Thù lao của 02 thành viên BKS :	153,280 triệu đồng/ năm
+ Lương trưởng Ban KS chuyên trách	449,778 triệu đồng/năm

a) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có.

b) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có.

c) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

HĐQT đã nêu cao vai trò trách nhiệm của mình trước tập thể người lao động và các cổ đông, đã trực tiếp lãnh đạo Công ty hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đề ra: Sản xuất ổn định an toàn hiệu quả, đời sống người lao động được ổn định, quyền lợi của các cổ đông được đảm bảo.

b) **Báo cáo tài chính.**

1. *Ý kiến kiểm toán*

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán.*

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 được lập vào ngày 29 tháng 3 năm 2024 theo các quy định hiện hành, bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Các chỉ tiêu tài chính cơ bản. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật.

Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình do Công ty TNHH Kiểm toán DELOITTE VIỆT NAM thực hiện kiểm toán.

Phần II : Báo cáo tài chính**A : BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính : triệu đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm 2023 - Đã được kiểm toán

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		321.847,79	391.504,82
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.801,79	11.096,73
1. Tiền	111		10.801,79	11.096,73
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		232.748,32	304.055,93
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		231.864,94	296.489,57
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,00	5.483,10
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		880,38	2.083,25
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			-
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139			-
IV. Hàng tồn kho	140		74.219,75	65.831,29
1. Hàng tồn kho	141		74.219,75	65.831,29
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.077,94	10.520,87
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.010,14	431,68
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.317,56	10.089,19

3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		750,24	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		122.805,17	76.944,47
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			-
6. Phải thu dài hạn khác	216			-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			-
II. Tài sản cố định	220		109.362,14	71.935,66
1. Tài sản cố định hữu hình	221		109.232,50	71.676,39
- Nguyên giá	222		604.293,87	553.554,11
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(495.061,37)	(481.877,72)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			-
3. Tài sản cố định vô hình	227		129,63	259,27
- Nguyên giá	228		996,45	996,45
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(866,82)	(737,18)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231			-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.156,91
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			-

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.156,91
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500,00	2.500,00
1. Đầu tư vào công ty con	251			-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.500,00	2.500,00
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254			-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.943,04	1.351,90
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.610,33	1.351,90
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		9.332,71	-
4. Tài sản dài hạn khác	268			-
5. Lợi thế thương mại	269			-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		444.652,97	468.449,28
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		195.049,15	203.221,18
I. Nợ ngắn hạn	310		195.049,15	203.221,18
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		131.250,65	159.419,10
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		1.993,84	1.882,60
4. Phải trả người lao động	314		8.787,46	23.964,17
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		68,46	145,07
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.696,33	16.397,34
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		49.816,78	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		435,62	1.412,90

13. Quỹ bình ổn giá	323			-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			-
II. Nợ dài hạn	330			-
1. Phải trả người bán dài hạn	331			-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			-
7. Phải trả dài hạn khác	337			-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			-
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249.603,82	265.228,10
I. Vốn chủ sở hữu	410		249.603,82	265.228,10
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		128.655,00	128.655,00
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.655,00	128.655,00
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		109.251,06	92.789,68
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			

7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.058,53	19.519,91
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.639,23	24.263,51
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.639,23	24.263,51
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-
1. Nguồn kinh phí	431			-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		444.652,97	468.449,28

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	NỘI DUNG	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	942.380,79	931.889,14	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	942.380,79	931.889,14	
4	Giá vốn bán hàng	897.542,93	869.821,28	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.837,86	62.067,86	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	317,00	510,84	
7	Chi phí tài chính	2.351,55	-	
8	Chi phí bán hàng		221,94	

		187,03	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.459,92	32.235,66
10	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	11.156,35	30.121,10
11	Thu nhập khác	15,83	270,92
12	Chi phí khác	-	5,46
13	Lợi nhuận khác	15,83	265,47
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.172,18	30.386,57
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.532,95	6.123,06
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.639,23	24.263,51
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

C. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ 2023.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
I	Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận thuần trước thuế	01	11.172,18	30.386,57
2	Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao TSCĐ	02	13.724,59	13.021,74
	- Các khoản dự phòng	03	-	(124,35)
	- Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	05	(332,83)	(803,55)
	- Chi phí lãi vay	06	2.351,55	-
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động	08	26.915,50	42.480,41
	- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	09	78.329,00	(167.827,15)

	- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10	(8.388,46)	(14.644,35)
	- (Tăng) / giảm các khoản phải trả	11	(66.483,72)	130.527,04
	- Tăng) / Giảm chi phí trả trước	12	(836,88)	(178,69)
	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
	- Lãi vay đã trả	14	(2.292,07)	-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.487,63)	(5.186,50)
	- Tiền thu khác từ hoạt động SXKD	16	225,88	45,89
	- Tiền chi khác từ hoạt động SXKD	17	(8.741,52)	(7.696,12)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.240,10	(22.479,48)
II	Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(50.024,35)	(3.856,11)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	15,83	270,92
3	Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác	23		-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công nợ của đơn vị khác	24		-
5	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia.	27	317,00	510,84
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.691,53)	(3.074,35)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được.	33	49.816,78	-
2	Tiền chi trả nợ gốc vay.	34		
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.660,29)	(19.239,98)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	33.156,49	(19.239,98)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(294,94)	(44.793,81)
V	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	11.096,73	55.890,54

	ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	10.801,79	11.096,73

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần nhiệt điện Ninh Bình thực hiện theo quy định của pháp luật./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT;
- CT HĐQT/NBTPC;
- Lưu: VT, TCKT, HCLĐ.



Trịnh Văn Đoàn

PHỤ LỤC I
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH
NĂM 2023

